

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC BÌNH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 09/8/2024  
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi  
con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh

**Các hội thẩm nhân dân:** Bà Phạm Thị Bích Lệ và ông Nguyễn Đức Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bá Văn Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khánh Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024, đối với các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Lai Ôn S, sinh năm 1993

**- Bị đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* **Nguyên đơn anh Lai Ôn S trình bày:** Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, anh và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 05/10/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có chung với nhau 02 con chung tên Lai Lê M, sinh ngày 05/12/2018 và Lai Lê B, sinh ngày 02/10/2021. Đến cuối tháng 12/2023 thì hai vợ chồng phát sinh mâu

thuần, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, cảm thấy không còn tình cảm gì với nhau, chị T bỏ nhà đi từ tháng 12/2023 cho đến nay, cảm thấy cuộc sống không còn tình cảm, tình nghĩa gì với nhau làm cho hôn nhân ngày càng trầm trọng dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt được nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai nữa.

Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, anh Lai Ôn S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị T.

- Về con chung: Anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Lai Lê M, sinh ngày 05/12/2018 và Lai Lê B, sinh ngày 02/10/2021. Anh Lai Ôn S không yêu cầu chị Lê Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn chị Lê Thị T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Thúy cố tình không đến nên Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238 BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lai Ôn S, anh Lai Ôn S được ly hôn với chị Lê Thị T.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lai Lê M, sinh ngày 05/12/2018 và Lai Lê B, sinh ngày 02/10/2021 cho anh Lai Ôn S trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lai Ôn S không yêu cầu chị Lê Thị Thúy phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lê Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét yêu cầu và ý kiến của đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

- *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Lai Ôn S yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị T và yêu cầu nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- *Về thẩm quyền:* Bị đơn có nơi cư trú tại xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về hôn nhân:* Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lai Ôn S vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị T. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Cụ thể là: Từ khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng ý kiến cho đến nay, anh Sôi và chị Thúy không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, quá trình xác minh, thu thập chứng cứ chị Lê Thị T đã được Tòa án nhiều lần triệu tập, tổng đạt các thông báo liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị T không đến Tòa án giải quyết, điều này chứng tỏ chị Thúy thiếu thiện chí và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn tha thiết với cuộc sống hôn nhân với anh Lai Ôn S. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lai Ôn S, như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:*

- *Về con chung:* Quá trình giải quyết anh Lai Ôn S yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lai Lê M, sinh ngày 05/12/2018 và Lai Lê B, sinh ngày 02/10/2021. Đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi vợ chồng anh Sôi và chị T sống ly thân đến nay, anh S là người trực tiếp nuôi các con và luôn thực hiện tốt vai trò của người cha và cũng như mong muốn của con được tiếp tục sống với anh S sau khi cha mẹ ly hôn và anh S mong muốn tiếp tục nuôi

dưỡng để đảm bảo cho con có cuộc sống bình thường về thể chất cũng như về mặt tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con cho anh Sôi được tiếp tục nuôi dưỡng là đúng với quy định của pháp luật. Chị Lê Thị T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Lai Ôn S không yêu cầu chị Lê Thị T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Anh Lai Ôn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lai Ôn S đối với chị Lê Thị T. Anh Lai Ôn S được ly hôn với chị Lê Thị T.

#### **2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:**

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lai Lê M, sinh ngày 05/12/2018 và Lai Lê Bảo, sinh ngày 02/10/2021 cho anh Lai Ôn S tiếp tục nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của chị Lê Thị T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

#### **3. Về tài sản và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **4. Về án phí:**

- Anh Lai Ôn S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh Sôi đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008574 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, anh Lai Ôn S đã nộp đủ.

- Chị Lê Thị T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện B.Bình;
- THADS huyện B.Bình;
- Đương sự;
- UBND xã Sông Lũy;
- (Số ĐKKH 52 ngày 05/10/2017)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Anh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bích Lệ Bá Đình Tâm**

**Nguyễn Tuấn Anh**

